

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/LĐ-ST
Ngày: 21-3-2025
V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp
đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm – Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở của Trung tâm Y tế thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương;

2. Bà Nguyễn Kim Lý - Nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở của Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 08/2025/TLST-LĐ ngày 15/01/2025 về việc: “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-LĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2025/QĐST-LĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Mỹ K, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ Phan Thành Bích T, số nhà C đường D, tổ A, khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH W; địa chỉ: Lô L, đường D, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lim Chiew S – Chức vụ: Tổng Giám đốc. Là đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố B, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn N – Chức vụ: Phó Giám đốc. Là đại diện theo uỷ quyền theo Giấy uỷ quyền số 01/GUQ-BHXXH ngày

02/01/2025. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Trương Thị Mỹ T1, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ tạm trú: Nhà trọ K1, số nhà C đường D, tổ A, khu phố D, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ K trình bày:

Từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011, bà K làm công nhân tại Công ty TNHH I; địa chỉ: Lô D, đường N, Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương và được Công ty tham gia đóng Bảo hiểm xã hội đầy đủ. Sau khi bà K nghỉ việc tại Công ty TNHH I và Y VINA, bà K tiếp tục làm việc qua nhiều Công ty khác nhau với mã số 8723678792.

Trong khoảng thời gian này, bà K có cho em ruột là bà Trương Thị Mỹ T1 mượn giấy Chứng minh nhân dân số 341557549 mang tên Trương Thị Mỹ K để làm hồ sơ đi xin việc tại Công ty TNHH W. Lý do tại thời điểm này, bà T1 chưa đủ 18 tuổi trong khi hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có việc làm để phụ giúp gia đình nên bà T1 đã sử dụng thông tin cá nhân của bà K để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH W (với tên Trương Thị Mỹ K) từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 thì nghỉ việc.

Khoảng tháng 12/2024, bà K có liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố B để làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội một lần thì được thông báo có 02 sổ bảo hiểm xã hội và bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011, cụ thể như sau:

- Sổ 1: 7410153090 thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 (Công ty TNHH W đóng).
- Sổ 2: 7410153857 thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011 (Công ty TNHH I đóng).

Và Bảo hiểm đã có Công văn 838/CV-BHXXH ngày 09/12/2024 xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà K tại Công ty TNHH W và hướng dẫn bà K khởi kiện ra Tòa án.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh của bà K để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà K. Do đó, nay bà K khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Mỹ K (do bà Trương Thị Mỹ T1 mượn tên) và Công ty TNHH W, thời gian làm việc từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là bà. Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Đối với yêu cầu của BHXH thành phố B về việc đề nghị bà Trương Thị Mỹ K số sổ BHXH 7410153090 hoàn trả toàn bộ số tiền đã hưởng các chế độ ốm và

BHXXH 1 lần với tổng số tiền 2.402.903 đồng. Bà K đồng ý hoàn trả số tiền này cho BHXXH thành phố B.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân của bà để làm việc tại Công ty TNHH W dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là ngoài ý muốn của Công ty. Do đó, bà K tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thời gian mở phiên tòa và giấy triệu tập họp lệ. Tuy nhiên, người đại diện hợp pháp của bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do. Không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà K và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

Tại Công văn số 51/CV-BHXXH ngày 24/01/2025, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố B trình bày:

Công ty TNHH W có tham gia đóng bảo hiểm xã hội (BHXXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) cho người lao động tên Trương Thị Mỹ K, sinh ngày 21/3/1991, CMND số 341557549, số sổ BHXXH 7410153090 có quá trình như sau: Từ tháng 5/2010 đến 12/2010 với vị trí công nhân mức lương đóng 1.337.000 đồng; từ tháng 01/2011 đến 02/2011 với vị trí công nhân mức lương đóng 1.517.000 đồng.

Quá trình trên bà K đã được BHXXH tỉnh B chốt và trả sổ. Qua kiểm tra chế độ, bà K đã hưởng BHXXH 1 lần Quyết định số 021204191 ngày 19/6/2012 tại BHXXH Bến Cát với số tiền là 2.364.336 đồng và hưởng chế độ ốm 1 ngày với số tiền 38.567 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Mỹ K, BHXXH thành phố B đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo quy định pháp luật. Đồng thời, đề nghị bà Trương Thị Mỹ K số sổ BHXXH 7410153090 hoàn trả toàn bộ số tiền đã hưởng các chế độ ốm và BHXXH 1 lần với tổng số tiền 2.402.903 đồng. Và yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ T1 trình bày:

Tháng 5/2010, bà T1 có mượn giấy Chứng minh nhân dân số 341557549 mang tên Trương Thị Mỹ K để làm hồ sơ đi xin việc tại Công ty TNHH W. Lý do tại thời điểm này, bà T1 chưa đủ 18 tuổi trong khi hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có việc làm để phụ giúp gia đình nên bà T1 đã sử dụng thông tin cá nhân của bà K để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH W (với tên Trương Thị Mỹ K) từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 thì nghỉ việc.

Do thời gian nghỉ việc đã quá lâu, bà T1 không còn giữ hợp đồng lao động hay bảng lương nên không còn chứng cứ để cung cấp cho Tòa án.

Do thiếu hiểu biết pháp luật nên bà T1 đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà K để tham gia Hợp đồng lao động với Công ty TNHH W. Nay bà T1 đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty TNHH W. Thời điểm bà T1 mượn chứng minh nhân dân của bà K để xin việc ở Công ty thì bà K đang làm việc Công ty TNHH I; địa chỉ: Lô D, đường N, Khu công nghiệp M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Bà K làm việc tại Công ty TNHH I và Y từ 5/2010 đến tháng 5/2011 thì nghỉ việc. Sau khi bà K nghỉ việc tại Công ty TNHH I và Y VINA, bà K tiếp tục làm việc qua nhiều Công ty khác nhau với mã số 8723678792.

Sau khi nghỉ việc, bà K không làm thủ tục nhận bảo hiểm xã hội được vì bị trùng thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà T1 từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011. Vì vậy, bà K khởi kiện yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Mỹ K (do bà Trương Thị Mỹ T1 mượn tên) và Công ty TNHH W, thời gian làm việc từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 là vô hiệu thì bà T1 đồng ý. Sau khi bà T1 nghỉ việc thì quyền lợi và nghĩa vụ của bà T1 với Công ty TNHH W chấm dứt nên bà T1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ K khởi kiện Công ty TNHH W; địa chỉ: Lô L, đường D, Khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 BLTTDS Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH W. Tranh chấp trong

vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ, không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như từ chối quyền tự bảo vệ của mình và chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai giao nộp và tiếp cận chứng cứ ngày 14/02/2025, gửi kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, ngoài chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Tòa án căn cứ vào lời trình bày của các đương sự khác, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Trương Thị Mỹ K như sau:

Mã số bảo hiểm xã hội 7410153090: Từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 tại Công ty TNHH W.

Mã số bảo hiểm xã hội 410153857: Từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011 tại Công ty TNHH I và Y VINA.

[2.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Bà Trương Thị Mỹ K ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH I và làm việc từ tháng 5/2010 đến tháng 5/2011 và được Công ty tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ thể hiện tại sổ bảo hiểm xã hội số 7410153857.

Bị đơn không cung cấp chứng cứ, không gửi ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên coi như từ chối quyền tự bảo vệ của mình và chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại Công văn 838/CV-BHXH ngày 09/12/2024 của Bảo hiểm xã hội thành phố B xác nhận quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của bà K tại Công ty TNHH W như sau: Bà Trương Thị Mỹ K, sinh ngày 21/3/1991, số CCCD 087191006454 (số CMND: 341557549), chức danh công nhân có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 với số sổ BHXH 7410153090. Do đó, có cơ sở xác định Công ty TNHH W có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Trương Thị Mỹ K và tham gia BHXH cho bà K từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mỹ T1 xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên bà T1 có mượn giấy tờ tùy thân của bà K để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH W từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011 thì nghỉ việc.

Việc bà T1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà K để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH W là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, việc bà Trương Thị Mỹ K yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Mỹ K (do bà Trương Thị Mỹ T1 mượn tên) với Công ty TNHH W là có căn cứ theo quy định tại các Điều 127 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Như vậy, Công ty TNHH W cùng tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Trương Thị Mỹ K từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011. Tuy nhiên, thực tế bà K chỉ làm việc tại Công ty TNHH I và Y VINA, không làm việc tại Công ty TNHH W. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH W với bà Trương Thị Mỹ K là vô hiệu như đã phân tích ở trên.

[2.3] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

[2.4] Tuy nhiên, trong quá trình tham gia tố tụng bà Trương Thị Mỹ K đồng ý hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố B tổng số tiền 2.402.903 đồng, bao gồm: hưởng BHXH 1 lần theo Quyết định số 021204191 ngày 19/6/2012 tại BHXH Bến Cát với số tiền là 2.364.336 đồng và hưởng chế độ ốm 1 ngày với số tiền 38.567 đồng đã được chi trả theo sổ sổ BHXH 7410153090 cấp cho người lao động tên Trương Thị Mỹ K. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn, phù hợp với ý kiến của Bảo hiểm xã hội thành phố B và các quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[3] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ K.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 127 và 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị Mỹ K đối với Công ty TNHH W về việc tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Mỹ K và Công ty TNHH W (thời gian làm việc từ tháng 5/2010 đến tháng 02/2011) vô hiệu.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trương Thị Mỹ K về việc đồng ý hoàn trả cho Bảo hiểm xã hội thành phố B, tỉnh Bình Dương tổng số tiền 2.402.903 đồng (hai triệu bốn trăm lẻ hai nghìn chín trăm lẻ ba đồng), bao gồm: hưởng BHXH 1 lần theo Quyết định số 021204191 ngày 19/6/2012 tại Bảo hiểm xã hội B với số tiền là 2.364.336 đồng (hai triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng) và hưởng chế độ ốm 1 ngày với số tiền 38.567 đồng (ba mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi bảy đồng) đã được chi trả theo sổ sổ BHXH 7410153090 cấp cho người lao động tên Trương Thị Mỹ K.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Trương Thị Mỹ K phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh